



bān fáng

班房

noun · jail; prison (colloquial)

Example Sentences

Tā yīn wèi tōu dōng xī jìn le bān fáng
他因为偷东西进了班房。

He went to jail for stealing.

Zuò bān fáng de rì zi kě bù hǎo guò
坐班房的日子可不好过。

Life in prison is not easy.

Trace each character, then write the word on your own.

班	班	班	班	班	班	班	班	班	班	班
班	班									
房	房	房	房	房	房	房	房	房	房	房